

THÔNG BÁO

Tuyển sinh đại học hệ Chính quy, Đợt 1 năm 2026 (người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông)

I. Mã trường trong tuyển sinh: DVT

II. Đối tượng và điều kiện đăng ký xét tuyển

2.1 Đối tượng

Người dự tuyển được xác định tại thời điểm xét tuyển trước khi công bố kết quả xét tuyển chính thức bao gồm:

a) Người đã được công nhận tốt nghiệp THPT, trung học nghề của Việt Nam hoặc của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương với THPT, trung học nghề của Việt Nam do các đơn vị chức năng xác định (*gọi chung là tốt nghiệp THPT*).

2.2 Điều kiện dự tuyển

- a) Đạt ngưỡng đầu vào theo Điều 9 Quy chế tuyển sinh hiện hành;
- b) Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;
- c) Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định của Đại học Trà Vinh.

III. Phương thức xét tuyển

3.1 Phương thức 1. Xét kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT (mã PT – 100)

Xét tuyển sử dụng kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT của năm 2026, xét theo tổ hợp môn của từng ngành.

3.2 Phương thức 2. Xét kết quả học tập các môn học cấp THPT (học bạ) (mã PT-200)

Tuyển sinh dựa trên kết quả học tập các môn học cấp THPT và thí sinh đáp ứng một trong những yêu cầu sau:

- a) **Tổ hợp xét tuyển sử dụng điểm trung bình chung kết quả học tập cả năm các lớp 10, 11, 12** của tối thiểu 03 môn học theo thang điểm 30;
- b) Trường hợp môn học trong tổ hợp xét tuyển **không học đủ 06 học kỳ cấp THPT theo năm do thay đổi lựa chọn môn học thì sử dụng kết quả học tập môn học khác của ngành gần lĩnh vực thay thế.**

Thí sinh lưu ý: Phương thức 2 **không áp dụng** cho ngành *Y khoa, Răng-Hàm-Mặt, Dược học*.

3.3 Phương thức 3. Sử dụng kết quả Kỳ thi V-SAT (mã phương thức 416)

Xét tuyển các thí sinh có điểm của **03 môn thi** trong cùng **01 đợt thi V-SAT** do **Đại học Trà Vinh** tổ chức trong năm tuyển sinh, phù hợp với 03 môn trong tổ

hợp môn xét tuyển, đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định và có điểm xét tuyển từ bằng với cao hơn điểm trúng tuyển của Đại học Trà Vinh.

3.4 Phương thức 4. Sử dụng kết quả Kỳ thi V-SAT do đơn vị khác tổ chức (mã phương thức 417)

Xét tuyển các thí sinh có điểm của **03 môn thi** trong cùng **01 đợt thi V-SAT** do **Đại học Cần Thơ và các trường đại học khác tổ chức** trong năm tuyển sinh, phù hợp với 03 môn trong tổ hợp môn xét tuyển, đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định và có điểm xét tuyển từ bằng với cao hơn điểm trúng tuyển của Đại học Trà Vinh.

Thí sinh lưu ý:

- Thí sinh có nguyện vọng xét tuyển các ngành **Âm nhạc học, Biểu diễn nhạc cụ truyền thống**:

+ Môn Ngữ văn trong tổ hợp môn của những ngành này, thí sinh sử dụng kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 hoặc kết quả học tập cấp THPT hoặc điểm trong kỳ thi VSAT để xét tuyển.

+ 02 môn năng khiếu thí sinh phải tham dự kỳ kiểm tra năng khiếu do Đại học Trà Vinh tổ chức. Thời gian đăng ký: từ 02/7/2026 đến 14/7/2026. Thời gian tổ chức kiểm tra năng khiếu: từ 17/7 đến 20/7/2026 (ngày cụ thể sẽ được thông báo đến thí sinh sau khi kết thúc thời gian đăng ký dự kiểm tra).

- **Các phương thức xét tuyển:** Phương thức 2. Xét kết quả học tập các môn học cấp THPT học bạ (mã Phương thức – 200); Phương thức 3. Sử dụng kết quả Kỳ thi V-SAT (mã phương thức 416); Phương thức 4. Sử dụng kết quả Kỳ thi V-SAT do đơn vị khác tổ chức (mã phương thức 417) được **gọi chung là phương thức tuyển sinh không sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT**.

- **Khung quy đổi điểm các phương thức tuyển sinh không sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT:** sau khi Bộ GDĐT công bố các số liệu thống kê về tương quan giữa điểm các môn thi tốt nghiệp THPT với điểm trung bình các môn học ở THPT, trên cơ sở đó Đại học Trà Vinh xác định quy tắc quy đổi tương đương điểm trúng tuyển, ngưỡng đầu vào (mức điểm nhận hồ sơ xét tuyển).

IV. Các tiêu chí xét tuyển

Người dự tuyển tham gia xét tuyển **phải thỏa lần lượt** các tiêu chí sau đây:

4.1 Nguồn xét tuyển (điều kiện để ĐKXT đối với tất cả các phương thức)

Thí sinh có tổng điểm 03 môn thi kỳ thi tốt nghiệp THPT (kỳ thi trung học nghề đối với đối tượng trung học nghề) các năm theo tổ hợp xét tuyển (hoặc sử dụng điểm thi môn Toán, Ngữ văn và một môn thi khác *trong 02 môn thi còn lại của kỳ thi tốt nghiệp*) đạt **tối thiểu 15,00 điểm** theo thang điểm 30 (không tính điểm ưu tiên, điểm cộng được quy định tại khoản 3 Điều 6 của Quy chế tuyển sinh), **áp dụng đối với thí sinh thi tốt nghiệp THPT từ năm 2026**.

Tiêu chí này **không áp dụng** đối với thí sinh được miễn thi, thí sinh đặc cách tốt nghiệp THPT theo quy định tại Quy chế thi tốt nghiệp THPT hiện hành và thí sinh đã **tốt nghiệp THPT từ năm 2025 trở về trước**.

4.2 Ngưỡng đầu vào

4.2.1 Phương thức 1. Xét kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT

Ngưỡng đầu vào của tất cả các ngành được công bố (dự kiến) vào ngày 10/7/2026.

4.2.2 Các Phương thức 200, 416, 417 (các phương thức không sử dụng điểm thi tốt nghiệp THPT để xét tuyển)

Ngưỡng đầu vào của các ngành xét tuyển (*Y khoa, Răng-Hàm-Mặt và Dược học chỉ xét phương thức 416 và 417*) được áp dụng theo **một** trong 02 ngưỡng sau đây:

4.2.2.1 Ngưỡng đầu vào thứ 1: theo phương thức 1. Xét kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT (mục 4.1.2.1), hoặc

4.2.2.2 Ngưỡng đầu vào thứ 2:

a. Đối với đại học ngành Luật

Người tham gia xét tuyển thỏa đồng thời ngưỡng đầu vào được quy định bởi Quy chế tuyển sinh và điều kiện quy định tại Quyết định số 678/QĐ-BGDĐT ngày 14/3/2025 của Bộ GDDT ban hành Chuẩn Chương trình đào tạo lĩnh vực pháp luật đào tạo trình độ đại học. Thí sinh thỏa cả 02 điều kiện sau đây:

Điều kiện 1: Kết quả trung bình chung học tập được đánh giá mức **tốt** (học lực xếp loại từ **giỏi** trở lên) cả năm lớp 12 (kết quả học tập 02 học kỳ năm cuối cấp đối với đối tượng trung học nghề và tương đương) **và** 01 trong 02 điều kiện sau:

+ *Tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT theo tổ hợp xét tuyển (hoặc sử dụng điểm thi môn Toán, Ngữ văn và một môn thi khác trong 02 môn thi còn lại của kỳ thi tốt nghiệp) đạt **18,00** điểm trở lên hoặc*

+ *Điểm xét tốt nghiệp THPT (điểm thi tốt nghiệp TH nghề) $\geq 8,50$ theo thang điểm 10.*

Điều kiện 2: theo quy định tại Quyết định số 678/QĐ-BGDĐT ngày 14/3/2025 của Bộ GDDT ban hành Chuẩn Chương trình đào tạo lĩnh vực pháp luật đào tạo trình độ đại học:

Điểm môn **Toán** trong tổ hợp môn A00, A01, X25 hoặc **Ngữ văn** trong tổ hợp môn C00, D01, X70, X78 **đạt tối thiểu là từ 6 điểm trở lên** (60% điểm đánh giá tối đa của thang điểm 10) và Tổng điểm xét tuyển **tối thiểu đạt 60% điểm** đánh giá tối đa của thang điểm.

b. Đối với ngành Y khoa, Răng-Hàm-Mặt, Dược học xét theo điểm kỳ thi V-SAT

Người tham gia xét tuyển thỏa ngưỡng đầu vào được quy định bởi Quy chế tuyển sinh: Kết quả trung bình chung học tập được đánh giá mức **tốt** (học lực xếp loại từ **giỏi** trở lên) cả năm lớp 12 (kết quả học tập 02 học kỳ năm cuối cấp đối với đối tượng trung học nghề và tương đương) **và 01** trong 02 điều kiện sau:

+ *Tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT theo tổ hợp xét tuyển (hoặc sử dụng điểm thi môn Toán, Ngữ văn và một môn thi khác - trong 02 môn thi còn lại của kỳ thi tốt nghiệp) đạt **20,00** điểm trở lên¹ hoặc*

¹ không áp dụng đối với thí sinh được miễn thi, thí sinh đặc cách tốt nghiệp THPT theo quy định tại Quy chế thi tốt nghiệp THPT hiện hành và thí sinh đã tốt nghiệp từ năm 2025 trở về trước.

+ Điểm xét tốt nghiệp THPT (điểm thi tốt nghiệp trung học nghề) từ 8,50 trở lên theo thang điểm 10.

c. Đối với ngành Điều dưỡng, Y học dự phòng, Kỹ thuật xét nghiệm y học, Kỹ thuật hình ảnh y học, Kỹ thuật phục hồi chức năng

Người tham gia xét tuyển thỏa ngưỡng đầu vào được quy định bởi Quy chế tuyển sinh: Kết quả trung bình chung học tập đánh giá mức khá (học lực xếp loại từ khá trở lên) cả năm lớp 12 (kết quả học tập 02 học kỳ năm cuối cấp đối với đối tượng trung học nghề và tương đương) và **01** trong 02 điều kiện sau:

+ Tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT đạt 16,50 điểm trở lên² hoặc
+ Điểm xét tốt nghiệp THPT (trung học nghề) từ 6,50 trở lên theo thang điểm 10.

d. Đối với các ngành còn lại

Người tham gia xét tuyển thỏa **một** trong các ngưỡng đầu vào do Đại học Trà Vinh xác định sau đây:

+ Kết quả trung bình chung học tập đánh giá mức đạt (học lực xếp loại Trung bình) trở lên cả năm lớp 12 (kết quả học tập 02 học kỳ năm cuối cấp đối với đối tượng trung học nghề và tương đương) hoặc

+ Điểm xét tốt nghiệp THPT từ 5.0 trở lên (kết quả học tập toàn khóa đạt loại Trung bình trở lên đối với người tốt nghiệp trung học nghề và tương đương).

V. Số lượng nguyện vọng đăng ký và thông tin về ngành tuyển sinh

1. Số lượng nguyện vọng đăng ký

Thí sinh thực hiện việc đăng ký, điều chỉnh, bổ sung nguyện vọng xét tuyển (NVXT) vào các ngành của **Đại học Trà Vinh** trên Hệ thống xét tuyển của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Hệ thống) tại địa chỉ <http://thisinh.thitotnghiepthpt.edu.vn> hoặc gián tiếp thông qua Cổng dịch vụ công quốc gia.

2. Cung cấp dữ liệu, minh chứng phục vụ cho công tác xét tuyển Đợt 1

Thí sinh sau khi đăng ký nguyện vọng trên **Hệ thống** phải thực hiện cung cấp các dữ liệu, minh chứng phù hợp phục vụ cho công tác xét tuyển Đợt 1 tại trang xét tuyển: <https://dkxt.tvu.edu.vn> để nhà trường thực hiện việc xét tuyển.

3. Thông tin ngành tuyển sinh

Đại học Trà Vinh tuyển sinh theo ngành không theo nhóm ngành. Thí sinh xem *Danh mục ngành tuyển sinh* tại **Phụ lục**.

VI. Lệ phí

1. **Lệ phí tổ chức kiểm tra năng khiếu:** 300.000 đồng/thí sinh. Thí sinh nộp lệ phí trực tiếp tại Ban Tài chính hoặc chuyển khoản về tài khoản của Đại học Trà Vinh.

2. **Lệ phí xét tuyển:** Thí sinh phải **nộp lệ phí** xét tuyển theo số lượng nguyện vọng xét tuyển **bằng hình thức trực tuyến** theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. **Học phí:** Thí sinh xem tại **Phụ lục** đính kèm.

VII. Điểm xét tuyển và điểm ưu tiên

Điểm xét tuyển được tính theo công thức

² không áp dụng đối với thí sinh được miễn thi, thí sinh đặc cách tốt nghiệp THPT theo quy định tại Quy chế thi tốt nghiệp THPT hiện hành và thí sinh đã tốt nghiệp từ năm 2025 trở về trước.

Điểm xét tuyển = ĐXTTHM + ĐUT. Trong đó:

* ĐXTTHM là Điểm của tổ hợp 03 môn có điểm cao nhất nằm trong các tổ hợp được quy định tại Phụ lục I cho từng ngành, từng phương thức xét tuyển (được nhà trường lựa chọn cho thí sinh) dựa trên dữ liệu được cung cấp trên Hệ thống và do thí sinh cung cấp trên trang <https://dkxt.tvu.edu.vn>

* ĐUT: nhà trường thực hiện chính sách ưu tiên, khung điểm ưu tiên trong tuyển sinh theo quy định của quy chế tuyển sinh hiện hành.

VIII. Tổ chức tuyển sinh

1. Đăng ký xét tuyển

Ở Đợt 1, Thí sinh đăng ký nguyện vọng xét tuyển (NVXT) (tối đa 15 nguyện vọng), điều chỉnh nguyện vọng đối với các ngành của Đại học Trà Vinh **bằng hình thức trực tuyến** trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung (gọi chung là Hệ thống) tại địa chỉ <https://thisinh.thitotnghiepthpt.edu.vn> hoặc **Cổng dịch vụ công quốc gia**. Các NVXT của thí sinh đăng ký vào Trường Đại học Trà Vinh phải được xếp thứ tự (nguyên vọng 1 là nguyện vọng cao nhất). *Thí sinh chỉ đăng ký xét tuyển vào ngành học mà tổ hợp môn xét tuyển của ngành đó phù hợp với các môn thí sinh đã đăng ký dự thi trong kỳ thi tốt nghiệp THPT, V-SAT hoặc đã học ở cấp THPT và thoả ngưỡng đầu vào.*

2. Đăng ký kiểm tra năng khiếu

Nhà trường tổ chức kiểm tra năng khiếu đối với ngành **Âm nhạc học và Biểu diễn nhạc cụ truyền thống**, thời gian như sau:

Thời gian đăng ký: từ 02/7/2026 đến 14/7/2026 thí sinh đăng ký dự thi môn năng khiếu tại địa chỉ <https://dkxt.tvu.edu.vn>.

Thời gian tổ chức kiểm tra năng khiếu: từ 17/7 đến 20/7/2026 (ngày cụ thể sẽ được thông báo đến thí sinh sau khi kết thúc thời gian đăng ký dự kiểm tra).

3. Thời gian thực hiện

TT	NỘI DUNG	THỜI GIAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
1	Thí sinh thực hành việc đăng ký, điều chỉnh nguyện vọng xét tuyển trên https://thisinh.thitotnghiepthpt.edu.vn (Hệ thống)	Thí sinh thực hiện từ 17/06 đến 21/06/2026	
2	Thí sinh đăng ký nguyện vọng xét tuyển (tối đa 15 nguyện vọng), điều chỉnh nguyện vọng xét tuyển nếu có (<i>không giới hạn số lần điều chỉnh</i>) trong thời gian quy định trên trang Hệ thống	Thí sinh thực hiện từ 02/07 đến 17h00 ngày 14/07/2026	
3	Trường công bố mức điểm nhận hồ sơ xét tuyển và điểm trúng tuyển quy đối tượng đương trên Hệ thống và trang thông tin điện tử https://dvt.tvu.edu.vn	17 giờ ngày 10/7/2026	
4	Thí sinh thay đổi hoặc giữ nguyên nguyện vọng đã đăng ký tùy theo mức điểm nhận hồ sơ xét tuyển của trường, thực hiện trên trang Hệ thống .	Đến 17 giờ 00 ngày 14/7/2026	
5	Đăng ký thông tin, dữ liệu, minh chứng xét tuyển phù hợp phục vụ cho công tác xét tuyển Đợt 1 tại địa chỉ https://dvt.tvu.edu.vn	Đến trước ngày 15/7/2026	

TT	NỘI DUNG	THỜI GIAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
6	Thí sinh nộp lệ phí xét tuyển trực tuyến (đăng nhập vào tài khoản trên trang Hệ thống và thực hiện theo hướng dẫn).	Từ ngày 15/7 đến 17 giờ ngày 21/7/2026	
7	Trường công bố kết quả trúng tuyển đợt 1 : Thí sinh xem trên trang https://dvt.tvu.edu.vn , Facebook (Tuyển sinh DVT), Zalo (Tuyển sinh Trường Đại học Trà Vinh).	17 giờ 00 ngày 13/8/2026	
8	Xác nhận nhập học đợt 1: Thí sinh thực hiện trực tuyến trên Hệ thống https://thisinh.thitotnghiepthpt.edu.vn Lưu ý: Thí sinh đã xác nhận nhập học tại Trường Đại học Trà Vinh sẽ không được tham gia xét tuyển ở các đợt tiếp theo tại tất cả các trường đại học trên toàn quốc.	Chậm nhất 17 giờ 00 ngày 21/8/2026	
9	Làm thủ tục nhập học (sau khi đã xác nhận nhập học) theo thông báo trúng tuyển của Trường Đại học Trà Vinh	Từ 17/8 đến ngày 22/8/2026	
10	Tuyển sinh Đợt bổ sung (nếu có)	Từ 22/8/2026 đến 30/8/2026	
11	Công bố trúng tuyển Đợt bổ sung	Trước ngày 04/9/2026	
12	Làm thủ tục nhập học Đợt bổ sung	Chậm nhất 17 giờ 06/9/2026	

Thí sinh tìm hiểu kỹ các thông tin tuyển sinh được trường công bố trong Thông tin tuyển sinh và tài liệu Hướng dẫn tuyển sinh đại học, cao đẳng số 2304/BGDĐT-GDDH ngày 04/5/2026 do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và phải thực hiện đúng, đủ, hết quy trình ĐKXT; thí sinh chưa rõ các nội dung khai báo, nộp lệ phí xét tuyển có thể liên hệ với cán bộ tại các điểm tiếp nhận hoặc cán bộ của trường trực các số điện thoại hỗ trợ công tác tuyển sinh để được hướng dẫn.

X. Thông tin liên hệ

BAN TUYỂN SINH VÀ TRUYỀN THÔNG

Phòng A11.120 – Tòa nhà A1 – Khu I - Đại học Trà Vinh

Địa chỉ: số 126, Nguyễn Thiện Thành, Khóm 4, Phường Hoà Thuận, Vĩnh Long.

Điện thoại: 0294.3.855944 (0367 955 944; 0965. 855944)– 0294.3.855247.

Email: tuyensinh@tvu.edu.vn; Website: <https://dvt.tvu.edu.vn>

Nơi nhận:

- Vụ GDĐH (b/c);
- UBND Tỉnh (b/c);
- Sở, Cơ quan, Doanh nghiệp các tỉnh;
- Các trường THPT; Thí sinh;
- Các đơn vị thuộc Trường;
- Trang TTĐT;
- Lưu: VT, HSTS.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

TS. PHAN QUỐC NGHĨA

PHỤ LỤC I

DANH MỤC NGÀNH TUYỂN SINH

(Kèm theo Thông báo số: 1076/TB-ĐHTV ngày 29/5/2026 của Giám đốc
Đại học Trà Vinh về việc xét tuyển Đại học chính quy (Đợt 1 năm 2026))

TT	MÃ NGÀNH	NGÀNH	CHỈ TIÊU	CÁC TỔ HỢP MÔN		Phương thức xét tuyển
				MÃ TH	TÊN TỔ HỢP	
1	7810301	Quản lý thể dục thể thao	100	B03	Toán, Sinh học, Ngữ văn	100, 200, 416, 417
				C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	
				C14	Ngữ văn, Toán, GDCD	
				B08	Toán, Sinh học, Tiếng Anh	
				D14	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh	
				X58	Ngữ văn, Vật lí, Giáo dục Kinh tế và pháp luật	
				X01	Toán – Ngữ văn – Giáo dục kinh tế và pháp luật	
2	7760101	Công tác xã hội (<i>Công tác xã hội trong lĩnh vực y tế</i>)	50	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	100, 200, 416, 417
				C20	Ngữ văn, Địa lí, Giáo dục công dân	
				C08	Ngữ văn, Hóa học, Sinh học	
				D66	Ngữ văn, Giáo dục công dân, Tiếng Anh	
3	7310401	Tâm lý học (<i>ngành mới</i>)	50	X66	Ngữ văn, Sinh học, Giáo dục Kinh tế và pháp luật	
				X74	Ngữ văn, Địa lí, Giáo dục Kinh tế và pháp luật	
				X78	Ngữ văn, Giáo dục Kinh tế và pháp luật, Tiếng Anh	
4	7510102	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	100	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	100, 200, 416, 417
				A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh	
				A03	Toán, Vật lí, Lịch sử	
				A04	Toán, Vật lí, Địa lí	
				X05	Toán, Vật lí, Giáo dục Kinh tế và pháp luật	
5	7580205	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	80	X06	Toán, Vật lí, Tin học	
				X07	Toán, Vật lí, Công nghệ (công nghiệp)	
6	7510303	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	80	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	100, 200, 416, 417
				A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh	
				A03	Toán, Vật lí, Lịch sử	
				C01	Ngữ văn, Toán, Vật lí	
				X05	Toán, Vật lí, Giáo dục Kinh tế và pháp luật	
7	7510301	Công nghệ Kỹ thuật điện, điện tử	150	X06	Toán, Vật lí, Tin học	

TT	MÃ NGÀNH	NGÀNH	CHỈ TIÊU	CÁC TỔ HỢP MÔN		Phương thức xét tuyển
				MÃ TH	TÊN TỔ HỢP	
				X07	Toán, Vật lí, Công nghệ (công nghiệp)	
8	7510201	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	150	A00 A01	Toán, Vật lí, Hóa học Toán, Vật lí, Tiếng Anh	100, 200, 416, 417
9	7510203	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	50	A02 A03 X05	Toán, Vật lí, Sinh học Toán, Vật lí, Lịch sử Toán, Vật lí, Giáo dục Kinh tế và pháp luật	
10	7510205	Công nghệ kỹ thuật ô tô	100	X06 X07	Toán, Vật lí, Tin học Toán, Vật lí, Công nghệ (công nghiệp)	
11	7510401	Công nghệ kỹ thuật hóa học	80	A00 B00 C02 D07 X09 X10 X11	Toán, Vật lí, Hóa học Toán, Hóa học, Sinh học Ngữ văn, Toán, Hóa học Toán, Hóa học, Tiếng Anh Toán, Hóa học, Giáo dục Kinh tế và pháp luật Toán, Hóa học, Tin học Toán, Hóa học, Công nghệ (công nghiệp)	
12	7480107	Trí tuệ nhân tạo	50	A00 A01 D01 D07	Toán, Vật lí, Hóa học Toán, Vật lí, Tiếng Anh Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh Toán, Hóa học, Tiếng Anh	100, 200, 416, 417
13	7480201	Công nghệ thông tin	300	X06 X26 X27	Toán, Vật lí, Tin học Toán, Tin học, Tiếng Anh Toán, Công nghệ (công nghiệp), Tiếng Anh	
14	7310201	Chính trị học	80	C00 C20 D01 X74 Y07 Y08 Y09	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí Ngữ văn, Địa lí, Giáo dục công dân Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh Ngữ văn, Địa lí, Giáo dục Kinh tế và pháp luật Ngữ văn, Giáo dục Kinh tế và pháp luật, Tin học Ngữ văn, Giáo dục Kinh tế và pháp luật, Công nghệ (công nghiệp) Ngữ văn, Giáo dục Kinh tế và pháp luật, Công nghệ (nông nghiệp)	

TT	MÃ NGÀNH	NGÀNH	CHỈ TIÊU	CÁC TỔ HỢP MÔN		Phương thức xét tuyển
				MÃ TH	TÊN TỔ HỢP	
15	7540101	Công nghệ thực phẩm	100	A02	Toán, Vật lí, Sinh học	100, 200, 416, 417
16	7420201	Công nghệ sinh học	80	B00	Toán, Hóa học, Sinh học	
17	7620112	Bảo vệ thực vật	120	B08	Toán, Sinh học, Tiếng Anh	
18	7620101	Nông nghiệp	100			
19	7620301	Nuôi trồng thủy sản	350	X12	Toán, Hóa học, Công nghệ (nông nghiệp)	
20	7640101	Thú y	300	X14	Toán, Sinh học, Tin học	
21	7519002	Công nghệ nông nghiệp (ngành mới)	300	X16	Toán, Sinh học, Công nghệ (nông nghiệp)	
				X28	Toán, Công nghệ (nông nghiệp), Tiếng Anh	
22	7510605	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	50	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	100, 200, 416, 417
				C14	Toán, Ngữ văn, GDCD	
				D01	Ngữ văn, Toán Tiếng Anh	
				D84	Toán, GDCD, Tiếng Anh	
				X03	Toán, Ngữ văn, Công nghệ (công nghiệp)	
				X23	Toán, Địa lí, Công nghệ (công nghiệp)	
				X26	Toán, Tin học, Tiếng Anh	
23	7380101	Luật <i>(điểm môn(*) ≥ 6.0 điểm và tổng điểm 03 môn ≥ 18 điểm theo Quyết định số 678/QĐ-BGDĐT ngày 14/3/2025)</i>	400	A00	Toán (*), Vật lí, Hóa học	100, 200, 416, 417
				A01	Toán (*), Vật lí, Tiếng Anh	
				C00	Ngữ văn (*), Lịch sử, Địa lí	
				D01	Ngữ văn (*), Toán, Tiếng Anh	
				X70	Ngữ văn (*), Lịch sử, Giáo dục Kinh tế và pháp luật	
				X78	Ngữ văn (*), Giáo dục Kinh tế và pháp luật, Tiếng Anh	
				X25	Toán (*), Giáo dục Kinh tế và pháp luật, Tiếng Anh	
24	7340101	Quản trị kinh doanh	400	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	100, 200, 416, 417
				A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh	
				A08	Toán, Lịch sử, GDCD	
				D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	
				X02	Toán, Ngữ văn, Tin học	
				X25	Toán, Giáo dục Kinh tế và pháp luật, Tiếng Anh	
				X27	Toán, Công nghệ (công nghiệp), Tiếng Anh	

TT	MÃ NGÀNH	NGÀNH	CHỈ TIÊU	CÁC TỔ HỢP MÔN		Phương thức xét tuyển
				MÃ TH	TÊN TỔ HỢP	
25	7340301	Kế Toán	350	A00 A01 C01 D01	Toán, Vật lý, Hóa học Toán, Vật lý, Tiếng Anh Ngữ văn, Toán, Vật lý Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	100, 200, 416, 417
26	7310101	Kinh tế	350	X25 X26 X53	Toán, Giáo dục Kinh tế và pháp luật, Tiếng Anh Toán, Tin học, Tiếng Anh Toán, Giáo dục Kinh tế và pháp luật, Tin học	
27	7340201	Tài chính - Ngân hàng	300	A00 A01 C01 D01 X25 X53 X55	Toán, Vật lý, Hóa học Toán, Vật lý, Tiếng Anh Ngữ văn, Toán, Vật lý Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh Toán, Giáo dục Kinh tế và pháp luật, Tiếng Anh Toán, Giáo dục Kinh tế và pháp luật, Tin học Toán, Giáo dục Kinh tế và pháp luật, Công nghệ (nông nghiệp)	100, 200, 416, 417
28	7340406	Quản trị văn phòng	300	C00 C04 D01 X70	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý Ngữ văn, Toán, Địa lý Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh Ngữ văn, Lịch sử, Giáo dục Kinh tế và pháp luật	100, 200, 416, 417
29	7310205	Quản lý nhà nước	100	X71 X78 X79	Ngữ văn, Lịch sử, Tin học Ngữ văn, Giáo dục Kinh tế và pháp luật, Tiếng Anh Ngữ văn, Tin học, Tiếng Anh	
30	7340122	Thương mại điện tử	200	A00 A01 C14 X06 X07 X26 X56	Toán, Vật lý, Hóa học Toán, Vật lý, Tiếng Anh Toán, Ngữ văn, GDCD Toán, Vật lý, Tin học Toán, Vật lý, Công nghệ (công nghiệp) Toán, Tiếng Anh, Tin học Toán, Tin học, Công nghệ (công nghiệp)	100, 200, 416, 417
31	7210201	Âm nhạc học	30	N00		

TT	MÃ NGÀNH	NGÀNH	CHỈ TIÊU	CÁC TỔ HỢP MÔN		Phương thức xét tuyển
				MÃ TH	TÊN TỔ HỢP	
32	7210210	Biểu diễn nhạc cụ truyền thống	30		Ngữ văn, NK Âm nhạc 1, NK Âm nhạc 2	416, 417
33	7220201	Ngôn ngữ Anh	250	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	100, 200, 416, 417
				D09	Toán, Lịch sử, Tiếng Anh	
				D10	Toán, Địa lí, Tiếng Anh	
				D14	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh	
				D15	Ngữ văn, Địa lí, Tiếng Anh	
				X26	Toán, Tin học, Tiếng Anh	
				X78	Ngữ văn, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Tiếng Anh	
34	7220106	Ngôn ngữ Khmer	150	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	100, 200, 416, 417
				D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	
				D14	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh	
				X01	Toán, Ngữ văn, Giáo dục kinh tế và pháp luật	
				X70	Ngữ văn, Lịch sử, Giáo dục kinh tế và pháp luật	
				X75	Ngữ văn, Địa lí, Tin học	
				X79	Ngữ văn, Tin học, Tiếng Anh	
35	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	40	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	100, 200, 416, 417
				D14	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh	
				D15	Ngữ văn, Địa lí, Tiếng Anh	
				D04	Ngữ văn, Toán, Tiếng Trung	
				X78	Ngữ văn, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Tiếng Anh	
				X79	Ngữ văn, Tin học, Tiếng Anh	
				X91	Ngữ văn, Tin học, Tiếng Trung	
36	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	200	C00 C04 D01 D15	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí Ngữ văn, Toán, Địa lí Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh Ngữ văn, Địa lí, Tiếng Anh	100, 200, 416, 417
37	7229040	Văn hóa học	100	D14	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh	
				X70	Ngữ văn, Lịch sử, Giáo dục kinh tế và pháp luật	
				X74	Ngữ văn, Địa lí, Giáo dục kinh tế và pháp luật	

4

TT	MÃ NGÀNH	NGÀNH	CHỈ TIÊU	CÁC TỔ HỢP MÔN		Phương thức xét tuyển
				MÃ TH	TÊN TỔ HỢP	
38	7720101	Y khoa (*)	250	B08 B00	Toán, Sinh học, Tiếng Anh Toán, Hóa học, Sinh học	100, 416, 417
39	7720501	Răng - Hàm - Mặt (*)	80			
40	7720301	Điều dưỡng	300			
41	7720110	Y học dự phòng	100			100, 200, 416, 417
42	7720602	Kỹ thuật hình ảnh y học	60	A00 B00	Toán, Vật lí, Hóa học Toán, Hóa học, Sinh học	100, 200, 416, 417
43	7720603	Kỹ thuật phục hồi chức năng	100			
44	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học	100			
45	7720701	Y tế Công cộng	100			
46	7720201	Dược học (*)	150			100, 416, 417
47	7720203	Hóa dược	60	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	100, 200, 416, 417
				B00	Toán, Hóa học, Sinh học	
				D07	Toán, Hóa học, Tiếng Anh	
				A11	Toán, Hoá học, GD&ĐT	
				X09	Toán, Hóa học, Giáo dục Kinh tế và pháp luật	
				X10	Toán, Hóa học, Tin học	
				X11	Toán, Hóa học, Công nghệ (công nghiệp)	
48	7520320	Kỹ thuật môi trường	100	A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh	100, 200, 416, 417
				A02	Toán, Vật lí, Sinh học	
				B00	Toán, Hóa học, Sinh học	
				B08	Toán, Sinh học, Tiếng Anh	
				X06	Toán, Vật lí, Tin học	
				X10	Toán, Hóa học, Tin học	
				X14	Toán, Sinh học, Tin học	
49	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	70	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	100, 200, 416, 417
				B00	Toán, Hóa học, Sinh học	
				B02	Toán, Sinh học, Địa lí	
				B08	Toán, Sinh học, Tiếng Anh	
				X06	Toán, Vật lí, Tin học	
				X10	Toán, Hóa học, Tin học	

TT	MÃ NGÀNH	NGÀNH	CHỈ TIÊU	CÁC TỔ HỢP MÔN		Phương thức xét tuyển
				MÃ TH	TÊN TỔ HỢP	
				X14	Toán, Sinh học, Tin học	

Tổng số ngành trong danh sách là 49 ngành 

PHỤ LỤC II
THÔNG TIN TỔ CHỨC ĐÀO TẠO
NGÀNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH
(Kèm theo Thông báo số: 1076/TB-ĐHTV ngày 29/5/2026 của Giám đốc
Đại học Trà Vinh về việc xét tuyển Đại học chính quy (Đợt 1 năm 2026))

1. Tiêu chí phân chương trình đào tạo

Đại học Trà Vinh tuyển sinh theo ngành đối với 02 ngành Quản trị kinh doanh và Công nghệ thông tin.

Sau khi thí sinh trúng tuyển nhập học, nhà trường thực hiện như sau:

Nhà trường sẽ tiến hành khảo sát nguyện vọng của sinh viên và tổ chức kiểm tra năng lực tiếng Anh đầu vào như các ngành đào tạo khác, để sắp xếp lớp học các học phần anh văn không chuyên phù hợp với năng lực thí sinh.

Ở học kỳ I của năm học Thứ nhất, nhà trường sẽ ưu tiên tổ chức dạy và học các học phần tiếng Anh (*anh văn không chuyên*) trong chương trình đào tạo đại học (tương ứng 13 tín chỉ) nhằm để đạt chuẩn năng lực Tiếng Anh Bậc 3 (VSTEP hoặc tương đương) (*đây là yêu cầu tiêu chuẩn tốt nghiệp đại học theo quy định hiện hành*). Khoa chuyên môn (Khoa CM) có thể xem xét bổ sung vào kế hoạch giảng dạy các môn Kỹ năng mềm hoặc các môn cơ sở ngành trong học kỳ I đảm bảo cân đối khối lượng. Vào cuối học kỳ I của năm thứ nhất, sinh viên có nguyện vọng tham gia chương trình Đại học Quản trị Kinh doanh (Chương trình Tích hợp tiếng Anh – English Integrated Program), ký hiệu: EIP- BA hoặc Đại học Công nghệ Thông tin (Chương trình Tích hợp tiếng Anh – English Integrated Program), ký hiệu: EIP- IT sẽ được nhà trường hỗ trợ giảm 50% lệ phí khi đăng ký tham dự kỳ thi đánh giá năng lực tiếng Anh VSTEP do Đại học Trà Vinh tổ chức. Dựa trên nguyện vọng và kết quả kỳ thi VSTEP của sinh viên, nhà trường tổ chức chương trình giảng dạy như sau:

- ***Những sinh viên đạt trình độ tiếng Anh B1 hoặc tương đương*** sẽ được tư vấn, tuyển chọn vào chương trình EIP, với chỉ tiêu dự kiến từ 20 đến 30 sinh viên mỗi ngành trong năm 2026. Bắt đầu từ học kỳ II, các sinh viên thuộc chương trình EIP sẽ được tổ chức lớp học riêng, thực hiện theo chương trình và kế hoạch đào tạo riêng biệt, trong một môi trường dạy học phù hợp, nhưng vẫn đảm bảo khối lượng học tập (số tín chỉ) và chuẩn đầu ra theo quy định hiện hành. Trường hợp số sinh viên đạt B1 và đăng ký tham gia không đủ so với chỉ tiêu đề ra, Nhà trường sẽ xem xét tuyển chọn bổ sung từ nhóm sinh viên có năng lực tương đương và tổ chức chương trình tăng cường tiếng Anh nhằm giúp các em đạt chuẩn tham gia EIP theo đúng mục tiêu ban đầu.

- ***Đối với sinh viên chưa đạt trình độ tiếng Anh B1, hoặc đạt nhưng không đăng ký tham gia EIP***, sẽ tiếp tục học theo chương trình đào tạo đại trà của các học kỳ còn lại trong khóa học. Nhằm khuyến khích và lan tỏa tinh thần học tập theo chuẩn quốc tế, Nhà trường có thể xem xét cho phép sinh viên từ chương trình đại trà, nếu có nguyện vọng và đủ năng lực tiếng Anh, được đăng ký học một số học phần cùng với sinh viên EIP trong quá trình triển

khai chương trình.

Về cấu trúc và khối lượng EIP, cơ bản giống như chương trình đại trà hiện hành đã đạt kiểm định chất lượng. Tuy nhiên, điểm khác biệt chính của EIP nằm ở cách thức tổ chức và kế hoạch vận hành. Cụ thể, chương trình được thiết kế với định hướng giảng dạy chủ yếu bằng tiếng Anh đối với các học phần cơ sở ngành và chuyên ngành. Đồng thời, chương trình mở rộng hình thức đánh giá và công nhận kết quả học tập nhằm phù hợp với môi trường đào tạo chuẩn quốc tế.

2. Học phí và chính sách đối với chương trình Đại học Quản trị Kinh doanh, Công nghệ thông tin (Chương trình Tích hợp tiếng Anh – English Integrated Program viết tắt là EIP)

Học phí được áp dụng theo quy định chung của Trường, đơn giá học phí được quy định cụ thể theo từng năm học. Tuy nhiên, đơn giá học phí của EIP được định mức 2,0 lần so với mức học phí chương trình đại trà và tính cùng mức học phí cho tất cả môn cơ sở ngành và chuyên ngành, nhằm định vị giá trị, chất lượng của EIP. Đồng thời, để thu hút được người học vào EIP khoá Thứ nhất, Trường sẽ có chính sách giảm học phí thông qua hình thức cấp học bổng bán phần cho sinh viên EIP. Cụ thể SV được **giảm 0,5 lần học phí** cho toàn khóa học (*sinh viên EIP chỉ đóng học phí như SV chương trình đại trà*).

Chính sách giảm học phí theo hình thức tài trợ học bổng chỉ áp dụng cho SV đăng ký tham gia EIP từ đầu khoá (đầu Học kỳ II), những SV chương trình đại trà nếu đăng ký tham gia với EIP ở một số môn học phải đóng đủ học phí theo quy định của EIP (2,0 lần). Bên cạnh đó, sinh viên EIP vẫn được hưởng các chính sách về trợ cấp đối với người học, học bổng khuyến khích học tập, học bổng tài trợ theo quy định hiện hành.

3. Học phí và chính sách đối với chương trình đại trà

Thí sinh xem ở Phụ lục III. 

PHỤ LỤC III
THÔNG TIN TỔ CHỨC ĐÀO TẠO
NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH
(KHỞI NGHIỆP VÀ ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP)

*(Kèm theo Thông báo số: 1076/TB-DHTV ngày 29/5/2026 của Giám đốc
Đại học Trà Vinh về việc xét tuyển Đại học chính quy (Đợt 1 năm 2026)*

1. Tiêu chí phân chương trình đào tạo

Sinh viên trúng tuyển ngành Quản trị kinh doanh, nhà trường sẽ tiến hành khảo sát nguyện vọng khi làm thủ tục nhập học. Sinh viên có nguyện vọng theo học chuyên ngành Khởi nghiệp và Điều hành doanh nghiệp được phân vào chuyên ngành ngay từ năm học thứ nhất và không thực hiện phân chuyên ngành lại sau năm học thứ nhất.

2. Số lượng (dự kiến): 30 sinh viên.

3. Mục tiêu và định hướng đào tạo chuyên ngành

Chuyên ngành Khởi nghiệp và Điều hành doanh nghiệp được tổ chức đào tạo theo định hướng ứng dụng nhằm trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng và năng lực thực hành trong lĩnh vực quản trị, khởi nghiệp và điều hành doanh nghiệp trong bối cảnh kinh tế thị trường.

Chương trình đào tạo hướng đến hình thành cho người học:

- Tư duy khởi nghiệp, tư duy hệ thống và năng lực làm chủ;
- Năng lực tổ chức, quản trị và điều hành doanh nghiệp;
- Khả năng vận dụng kiến thức quản trị vào hoạt động sản xuất – kinh doanh thực tiễn;
- Năng lực thích ứng với môi trường kinh doanh và hội nhập.

Chuyên ngành này được tổ chức theo định hướng học thông qua trải nghiệm thực tiễn, triển khai dự án kinh doanh trong quá trình học, phát triển năng lực lãnh đạo, làm việc nhóm, xây dựng mạng lưới nghề nghiệp và từng bước tạo ra giá trị thực ngay từ khi còn là sinh viên.

4. Nguyên tắc tổ chức đào tạo

- Chuyên ngành được tổ chức đào tạo theo chương trình đào tạo đã được nhà trường ban hành và phê duyệt, bảo đảm tuân thủ quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về xây dựng và triển khai chương trình đào tạo trình độ đại học.

- Nội dung đào tạo được thiết kế theo hướng gắn kết giữa kiến thức lý thuyết và thực tiễn quản trị, điều hành doanh nghiệp, phù hợp với mục tiêu đào tạo của ngành Quản trị kinh doanh.

- Sinh viên chuyên ngành được tổ chức học tập theo lộ trình đào tạo riêng, bảo đảm chuẩn đầu ra chung của ngành và chuẩn đầu ra cụ thể của chuyên ngành.

5. Đối tượng người học phù hợp với chuyên ngành

Chuyên ngành “Khởi nghiệp và Điều hành doanh nghiệp” phù hợp với thí sinh:

- Có khát vọng sở hữu và trực tiếp điều hành doanh nghiệp;
- Xuất thân từ gia đình có truyền thống kinh doanh hoặc có nhu cầu kế thừa phát triển hoạt động kinh doanh;

- Có kỹ năng làm việc nhóm tinh thần trách nhiệm cao và sẵn sàng tham gia môi trường học tập gắn với thực tiễn.

Lợi ích khi tham gia chương trình:

Khi theo học, sinh viên sẽ:

- Được học bằng trải nghiệm thực tế, trực tiếp tham gia xây dựng và vận hành doanh nghiệp ngay từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường.
- Được rèn luyện tư duy làm chủ, kỹ năng quản trị, lãnh đạo và ra quyết định trong môi trường kinh doanh thật, không chỉ học lý thuyết.
- Được kết nối và học hỏi trực tiếp từ các doanh nhân, chuyên gia, mở rộng mạng lưới quan hệ và cơ hội nghề nghiệp.
- Được tích lũy kinh nghiệm thực tiễn, tạo lợi thế cạnh tranh vượt trội khi ứng tuyển vào thị trường lao động hoặc theo đuổi con đường khởi nghiệp.
- Được trải nghiệm cả thành công và thất bại trong một môi trường an toàn, từ đó xây dựng bản lĩnh, sẵn sàng tái khởi nghiệp và phát triển lâu dài.

=> Điểm khác biệt nổi bật của chuyên ngành là sinh viên không chỉ học để nhận bằng cử nhân mà còn được đào tạo để hình thành năng lực tạo lập và vận hành mô hình kinh doanh thực tế, biết phát hiện cơ hội, tổ chức nguồn lực, làm việc với đối tác và thích ứng với thay đổi của thị trường.

6. Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo chuyên ngành “Khởi nghiệp và Điều hành doanh nghiệp” được xây dựng theo hướng gắn kết chặt chẽ giữa kiến thức quản trị và thực tiễn điều hành doanh nghiệp. Nội dung đào tạo tập trung phát triển tư duy khởi nghiệp, tư duy hệ thống, năng lực lãnh đạo và kỹ năng tổ chức vận hành doanh nghiệp.

Ngay từ năm học thứ nhất, sinh viên được trang bị các học phần nền tảng về tư duy khởi nghiệp, kỹ năng quản trị cơ bản, kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm và lãnh đạo, tạo tiền đề cho giai đoạn triển khai doanh nghiệp từ học kỳ tiếp theo.

Chương trình được tổ chức theo hướng tích hợp giữa học phần học thuật với hoạt động khai vấn (coaching), cố vấn (mentoring) và triển khai dự án kinh doanh thực tế. Trong đó, giảng viên, doanh nhân và chuyên gia tham gia đồng hành cùng sinh viên trong quá trình hình thành ý tưởng, hoàn thiện mô hình kinh doanh, thử nghiệm thị trường và phát triển dự án.

7. Tổ chức hoạt động thực hành, trải nghiệm khởi nghiệp

Từ học kỳ II của năm học thứ nhất, sinh viên chuyên ngành “Khởi nghiệp và Điều hành doanh nghiệp” phải triển khai dự án kinh doanh thực tế để làm môi trường học tập, rèn luyện và đánh giá kết quả đào tạo.

Việc triển khai dự án kinh doanh thực tế là yêu cầu bắt buộc của chương trình. Sinh viên không bắt buộc phải thành lập doanh nghiệp hoặc hợp tác xã trong quá trình học, tuy nhiên được khuyến khích thực hiện khi dự án có tính khả thi và đáp ứng điều kiện triển khai thực tế.

Dự án kinh doanh thực tế của sinh viên là:

- Môi trường học tập trung tâm của chương trình;

- Cơ sở tổ chức các học phần chuyên ngành;
- Căn cứ đánh giá kết quả học tập và năng lực tổ chức, quản trị, điều hành, phát triển mô hình kinh doanh của sinh viên.

Trong quá trình đào tạo, Nhà trường không thực hiện đầu tư đại trà cho tất cả dự án của sinh viên. Việc đầu tư chỉ được xem xét đối với các dự án, doanh nghiệp hoặc hợp tác xã có tính khả thi trên cơ sở đánh giá của Nhà trường.

Trường hợp dự án phát triển tốt và đủ điều kiện, sinh viên được hướng dẫn hoàn thiện mô hình kinh doanh để đăng ký thành lập doanh nghiệp hoặc hợp tác xã theo quy định pháp luật.

8. Học phí

Học phí đối với sinh viên chuyên ngành “Khởi nghiệp và Điều hành doanh nghiệp” được áp dụng theo cơ chế riêng nhằm bảo đảm điều kiện tổ chức đào tạo theo định hướng gắn với thực tiễn điều hành doanh nghiệp. Đơn giá học phí đối với 01 tín chỉ là 1.500.000 đồng (*Không phân biệt môn học đại cương và môn học chuyên ngành*).

9. Chính sách học bổng đối với thí sinh đạt giải cao tại các cuộc thi đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp

9.1. Học bổng theo thành tích cuộc thi khởi nghiệp các cấp

Cấp học bổng cho thí sinh đạt giải cao trong các cuộc thi đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp các cấp, dành cho những thí sinh đăng ký nguyện vọng vào trường theo Quyết định số 699/QĐ-ĐHTV ngày 24/01/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Trà Vinh:

- Tham gia cuộc thi cấp bộ và tương đương trở lên: đạt giải nhất, nhì, ba, khuyến khích sẽ được cấp học bổng tương ứng với tiền là 50.000.000 đồng, 30.000.000 đồng, 25.000.000 đồng, 20.000.000 đồng.

- Tham gia cuộc thi cấp khu vực: đạt giải nhất, nhì, ba, khuyến khích sẽ được cấp học bổng tương ứng với tiền là 25.000.000 đồng, 20.000.000 đồng, 15.000.000 đồng, 10.000.000 đồng.

- Tham gia cuộc thi do Trường Đại học, Cao đẳng, Sở Giáo dục và Đào tạo, Tỉnh đoàn, Sở Khoa học và Công nghệ các tỉnh (*gọi chung là cấp tỉnh*) trên toàn quốc tổ chức đạt giải nhất, nhì, ba, khuyến khích sẽ được cấp học bổng tương ứng với tiền là 10.000.000 đồng, 8.000.000 đồng, 6.000.000 đồng, 5.000.000 đồng.

Lưu ý: Chế độ trên dành cho tất cả thành viên của đội thi đạt giải.

9.2. Học bổng năm thứ nhất

Có giá trị bằng 100% học phí năm thứ nhất.

9.3. Các chế độ khác đối với người học

Sinh viên chuyên ngành “Khởi nghiệp và Điều hành doanh nghiệp” được hưởng đầy đủ các chính sách về trợ cấp học bổng khuyến khích học tập và các chế độ dành cho người học theo quy định hiện hành của Đại học Trà Vinh.

PHỤ LỤC IV HỌC PHÍ VÀ CÁC KHOẢN THU

(Kèm theo Thông báo số: 1076/TB-ĐHTV ngày 29/5/2026 của Giám đốc
Đại học Trà Vinh về việc xét tuyển Đại học chính quy (Đợt 1 năm 2026)

I. Học phí và các khoản thu

Học phí và các khoản thu được áp dụng theo quy định chung của nhà trường, đơn giá học phí được quy định cụ thể theo từng năm học. Mức học phí; các khoản thu (nếu có) được trường công bố trên trang thông tin điện tử <https://tvu.edu.vn>, tại thông báo khi thí sinh trúng tuyển, nhập học. Trong đó:

Học phí được tính theo số tín chỉ thực học và thu theo từng học kỳ. Mức học phí các ngành dao động từ 20 đến 35 triệu đồng/học kỳ cho học kỳ đầu tiên (tùy theo ngành học). Mức học phí được tính theo công thức

Mức học phí = Số tín chỉ đăng ký học x đơn giá Học phí theo tín chỉ

Trong đó: Đơn giá Học phí tín chỉ được xác định theo học phần chung khối đại cương và học phí chuyên ngành. Cụ thể:

- **Học phí tín chỉ các học phần chung khối đại cương:** Bachelor's degree: 500.000 đồng/tín chỉ, Bachelor's degree: 390.000 đồng/tín chỉ

- **Học phí chuyên ngành theo niên chế và tín chỉ (Kể cả tín chỉ Co-op).**

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Nhóm ngành	Mức học phí	Năm học 2026-2027	
		Học phí 01 năm học	Học phí 01 tín chỉ
1. Khối ngành I: Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên; Khối ngành III: Kinh doanh và quản lý, pháp luật.			
1.1. Bậc Đại học		17.700	545
1.1.1. Ngành Quản trị kinh doanh (tích hợp tiếng Anh). Không phân biệt môn học đại cương và môn học chuyên ngành.			1.090
1.1.2. Ngành Quản trị kinh doanh, Tài chính – Ngân hàng, Kế toán		19.500	600
1.1.3. Ngành Quản trị kinh doanh (Khởi nghiệp và Điều hành doanh nghiệp). Không phân biệt môn học đại cương và môn học chuyên ngành.			1.500
1.2. Bậc Cao đẳng		14.160	430
2. Khối ngành II: Nghệ thuật. Khối ngành VII: Nhân văn, khoa học xã hội và hành vi, báo chí và thông tin, dịch vụ xã hội, du lịch, khách sạn, thể dục thể thao, dịch vụ vận tải, môi trường và bảo vệ môi trường. Khối ngành IV: Khoa học sự sống, khoa học tự nhiên. Khối ngành V: Toán và thống kê máy tính, công nghệ thông tin, công nghệ kỹ thuật, kỹ thuật, sản xuất và chế biến, kiến trúc và xây dựng, nông lâm nghiệp và thủy sản, thú y.		20.000	595
2.1. Riêng học phí Chuyên ngành Quản lý dịch vụ Logistics (mô hình Co-op)		25.000	735

Nhóm ngành	Mức học phí	Năm học 2026-2027	
		Học phí 01 năm học	Học phí 01 tín chỉ
2.2. Riêng học phí Chuyên ngành Quản lý dịch vụ Logistics (mô hình Co-op tích hợp chứng chỉ Quốc tế)		30.000	890
2.3. Ngành Công nghệ thông tin (tích hợp tiếng Anh). Không phân biệt môn học đại cương và môn học chuyên ngành.			1.190
2.4. Ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử, Thú y		21.000	625
2.5. Ngành Công nghệ thông tin		21.500	640
2.6. Ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô		21.900	648
2.7. Ngành Ngôn ngữ Anh		22.000	655
3. Khối ngành VI.1: Các khối ngành sức khỏe khác			
3.1. Kỹ thuật hình ảnh Y học		36.500	950
3.2. Kỹ thuật phục hồi chức năng, Y tế Công cộng		34.200	885
3.3. Kỹ thuật Xét nghiệm Y học		40.150	1.065
3.4. Điều dưỡng		37.600	970
4. Khối ngành VI.2: Y Dược			
4.1. Ngành Răng – Hàm – Mặt		63.800	1.560
4.2. Ngành Y khoa		63.800	1.560
4.3. Ngành Y học dự phòng		40.600	1.025
4.4. Ngành Dược học		40.425	1.065
4.5. Ngành Hóa dược		27.000	680

Ghi chú: Mức thu các tín chỉ Co-op bằng 1,1 lần tín chỉ chuyên ngành các ngành học tương ứng (áp dụng cho khóa 2025). Mức học phí cụ thể cho từng học kỳ/năm học sẽ phụ thuộc vào số lượng tín chỉ đăng ký mà sinh viên theo học trong từng học kỳ/năm học.

II. Lộ trình tăng học phí (nếu có)

Lộ trình tăng học phí thực hiện hàng năm theo quy định và được công khai trước khi bắt đầu năm học mới. Mức tăng học phí của năm học sau không quá 10% so với năm học liền kề trước đó.

PHỤ LỤC V
CHÍNH SÁCH HỌC BỔNG
DÀNH CHO TÂN SINH VIÊN KHOÁ 2026
(Kèm theo Thông báo số: 1076/TB-ĐHTV ngày 29/5/2026 của Giám đốc
Đại học Trà Vinh về việc xét tuyển Đại học chính quy (Đợt 1, năm 2026))

I. HỌC BỔNG TOÀN KHOÁ HỌC

❖ Học bổng có giá trị là **100% học phí** toàn khoá học và cấp **sinh hoạt phí 450.000 đồng/tháng** cho sinh viên ngành **Biểu diễn nhạc cụ truyền thống**.

❖ Học bổng có giá trị là **30% học phí** trong toàn khoá học: sinh viên theo học các ngành **Văn hoá học, Âm nhạc học, Ngôn ngữ Khmer**.

II. HỌC BỔNG 50% TOÀN KHÓA HỌC

Tân sinh viên theo học gồm các ngành:

○ Công nghệ thông tin (chương trình tích hợp bằng tiếng Anh) – TRƯỜNG KỸ THUẬT & CÔNG NGHỆ

○ Quản trị kinh doanh (chương trình tích hợp bằng tiếng Anh) – TRƯỜNG KINH TẾ, LUẬT

III. HỌC BỔNG DÀNH CHO SINH VIÊN NỮ:

+ Học bổng bằng 50% học phí khi sinh viên nữ theo học các ngành kỹ thuật công nghệ: Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông, Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng, Công nghệ kỹ thuật cơ khí, Công nghệ kỹ thuật điện - điện tử, Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa, Công nghệ kỹ thuật ô tô, Công nghệ kỹ thuật hóa học.

+ Học bổng bằng 30% học phí khi sinh viên nữ theo học ngành Hoá dược.

IV. HỌC BỔNG NĂM THỨ NHẤT

4.1 Học bổng có giá trị bằng 100% học phí năm nhất (năm học 2026-2027)

TT	TÊN NGÀNH	KHOA/TRƯỜNG CHUYÊN MÔN	GHI CHÚ
1	Bảo vệ thực vật	Khoa nông nghiệp - thủy sản	
2	Công nghệ sinh học	Khoa nông nghiệp - thủy sản	
3	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Trường kỹ thuật & công nghệ	
4	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Trường kỹ thuật & công nghệ	
5	Công nghệ kỹ thuật Cơ điện tử	Trường kỹ thuật & công nghệ	
6	Trí tuệ nhân tạo	Trường kỹ thuật & công nghệ	
7	Kỹ thuật môi trường	Trường kỹ thuật & công nghệ	
8	Công nghệ nông nghiệp – tuyển sinh năm 2026	Trường kỹ thuật & công nghệ	
9	Hóa dược	Trường y - dược	
10	Y tế công cộng	Trường y - dược	
11	Chính trị học	Khoa lý luận chính trị	
12	Công tác xã hội	Khoa khoa học cơ bản	
13	Tâm lý học – tuyển sinh năm 2026	Khoa khoa học cơ bản	
14	Quản trị kinh doanh (Khởi nghiệp và Điều hành doanh nghiệp) - tuyển sinh năm 2026	Vườn ươm doanh nghiệp tỉnh vĩnh long	

4.2 Học bổng có giá trị bằng 50% học phí năm nhất

Đại học Trà Vinh triển khai chính sách học bổng cho các Tân sinh viên trúng tuyển ngành Kinh tế và chọn 02 chuyên ngành Kinh tế Ngoại thương và Kinh tế Du lịch trong kỳ tuyển sinh 2026, có chứng chỉ tiếng anh Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (VSTEP) bậc 3 (B1) trở lên hoặc các chứng chỉ tiếng Anh được Bộ GDĐT công nhận tương đương với VSTEP đạt từ bậc 3 trở lên.

V. HỌC BỔNG THỦ KHOA ĐẦU KHOÁ VÀ CUỐI KHOÁ

❖ Các sinh viên hệ chính quy tại Trường khi đạt thành tích xuất sắc trong kỳ thi tuyển sinh, tốt nghiệp thì được xét cấp tiền thưởng một lần với mức chi như sau:

- Đối với trúng tuyển đầu vào đạt **thủ khoa: 10.000.000 đồng**
- Đối với trúng tuyển đầu vào đạt **á khoa: . 7.000.000 đồng**

VI. Các chế độ, chính sách khác khi BẠN LÀ TVUer

Các chế độ học bổng và chính sách học bổng khác thực hiện theo quy định và Quy chế chi tiêu nội bộ hiện hành.

❖ Giảm học phí cho sinh viên **giữ chức vụ bí thư, phó bí thư đoàn khoa** như sau:

- Đối với Đoàn khoa có số lượng sinh viên từ 1.000 sinh viên trở lên: Bí thư đoàn khoa được giảm 30% học phí/học kỳ, phó bí thư đoàn khoa được giảm 20% học phí/học kỳ.
- Đối với Đoàn khoa có số lượng sinh viên dưới 1.000 sinh viên: Bí thư đoàn khoa được giảm 25% học phí/học kỳ, phó bí thư đoàn khoa được giảm 15% học phí/học kỳ.

❖ Cấp hỗ trợ kinh phí cho sinh viên TVU được nhận đi trao đổi, học tập thực tế tại trường đối tác (không quá 01 năm):

- Hỗ trợ 7.000.000 đồng đối với điểm đến là các nước trong khu vực Châu Á, riêng các nước trong khu vực Đông Nam Á mức hỗ trợ là 5.000.000 đồng.
- Hỗ trợ 10.000.000 đồng đối với các khu vực khác.

❖ Học bổng khuyến khích học tập, học bổng Ông Bà Gs Nguyễn Thiện Thành, Học bổng AHLS Nguyễn Thái Bình, Học bổng toàn phần và thường niên của các nhà tài trợ, Học bổng Fondation de la Chnelière (Học bổng Võ Văn Trường), ...